

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh, là cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Vân, là giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 237/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn D, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2005; nơi sinh: Hải Phòng; nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; **dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam**; con ông Lê Văn V và bà Trần Thị H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/01/2020, Ủy ban nhân dân xã Thủy Triều ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng do có hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 14/08/2020, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng. Bị cáo bị tạm giam ngày 02/11/2024. Có mặt.

2. Nguyễn Thành D, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2006; nơi sinh Hải Phòng, nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trình độ học vấn: 9/12; **dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam**; Con bà Nguyễn Thị C, chưa xác định được họ tên cha; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Bản án số 162/2024/HS-ST ngày 24/07/2024 của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Thành D 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách 42 tháng (thời điểm phạm tội D chưa đủ 18 tuổi). Ngày 29/11/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên khởi tố Nguyễn Thành D về tội Gây rối trật tự công

cộng xảy ra ngày 01/04/2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị tạm giam ngày 02/11/2024. Có mặt.

3. Trần Văn S, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 4 tháng 09 ngày); nơi sinh Hải Phòng; nơi cư trú: phường Hoà Bình, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; **dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam**, con ông Trần Văn V và bà Trần Thị T. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19-11-2024, cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên khởi tố bị can đối với Trần Văn S về tội gây rối trật tự công cộng xảy ra ngày 01-4-2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giam ngày 02 tháng 11 năm 2024. Có mặt.

4. Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 4 tháng 14 ngày); nơi sinh Hải Phòng; nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; **dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam**, con ông Nguyễn Ngọc V và bà Lê Thị S. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn S*: Ông Trần Văn Vui, sinh năm 1980 (là bố đẻ của bị cáo); nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc V*: Bà Lê Thị Sen, sinh năm 1983 (là mẹ đẻ của bị cáo); nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Quốc V*: Ông Nguyễn Văn Ngọc Tú và ông Bùi Văn Bình - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. Ông Tú vắng mặt, ông Bình có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Công nghiệp Tân Phong An; địa chỉ: Đường 16, khu Đô thị Công nghiệp và Dịch vụ Vsip, phường An Lư, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1988, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1995, nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn D là công nhân kho của Công ty TNHH Công nghiệp Tân Phong An thuộc Khu công nghiệp Vsip Thủy Nguyên. Trong thời gian làm việc tại công ty, D quan sát thấy có nhiều cuộn dây cáp điện nên đã nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền ăn tiêu. Thực hiện ý định trên, Lê Văn D đã nhắn tin qua ứng dụng messenger

rủ Nguyễn Thành D, Trần Văn S cùng tham gia, Nguyễn Thành D và S đồng ý. Khoảng 22 giờ 00 ngày 07/08/2024, Lê Văn D gặp Nguyễn Quốc V và S tại quán nướng Thành Vững ở khu vực chợ Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, D rủ V "muốn có tiền không, tí chờ anh đi có việc", V hỏi D "việc gì anh?" D trả lời "cứ đi thì biết, cứ chờ anh đến thả ở đấy rồi anh gọi thì quay lại đón". V hiểu ý là D rủ V đi trộm cắp tài sản nên V đồng ý. Đến 01 giờ 30 phút ngày 08/08/2024, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15G1-204.72 chở Nguyễn Thành D, Trần Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15G1 - 977.04 chở Lê Văn D đi từ khu vực thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên đến gần khu vực hàng rào của Công ty TNHH Công nghiệp Tân Phong An thì dừng lại. Lê Văn D và Nguyễn Thành D xuống xe trèo qua hàng rào vào bên trong công ty, V và S điều khiển xe đi bên ngoài công ty để cảnh giới. Khi vào trong Lê Văn D đi qua phòng bảo vệ cổng A1 quan sát thấy không có người, Lê Văn D vẫy tay gọi Nguyễn Thành D đi theo. Khi đến khu vực trạm điện, Nguyễn Thành D mở cửa vào trong, bê 03 cuộn dây cáp điện, Lê Văn D bê 04 cuộn dây cáp điện ra giữa khu vực vườn hoa. Sau đó, Lê Văn D và Nguyễn Thành D vận chuyển 07 cuộn dây cáp điện trên ra phía khu vực hàng rào của công ty. Nguyễn Thành D gọi điện thoại cho V quay lại đón, rồi cùng Lê Văn D bê các cuộn dây cáp điện vút qua hàng rào phía bên ngoài công ty. Khi vút được 05 cuộn dây cáp ra bên ngoài hàng rào thì bị ông Nguyễn Văn Vinh là nhân viên bảo vệ tuần tra của công ty phát hiện. Thấy ông Vinh hô hoán, Nguyễn Thành D, Lê Văn D trèo qua hàng rào ra ngoài lên xe mô tô để S và V điều khiển bỏ chạy theo hướng xã An Lư về nhà. Ngày 30 -8-2024, Lê Văn D ra đầu thú tại cơ quan công an huyện Thủy Nguyên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 05 (năm) đoạn dây cáp điện (mỗi đoạn dài 8,5m) loại Cadivi CXV-1x240 lõi đồng, bọc vỏ cao su màu đen, đã qua sử dụng (05 đoạn x 8,5m x 120.000 đồng/m) trị giá 5.100.000đồng; 02 (hai) đoạn dây cáp điện (mỗi đoạn dài 8,5m) loại Cadivi CXV-1x185 lõi đồng, bọc vỏ cao su màu đen, đã qua sử dụng (02 đoạn x 8,5m x 91.500 đồng/m) trị giá 1.555.500 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm định giá là: 6.655.500 đồng

Tại bản kết luận giám định số 3567/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng trả lời: 01 tập tin video có phần mở rộng "MP4" dung lượng 63,4MB (MD5:E87D0D4BF78E21DC4C952E6AFC899BC1) được lưu trong 01 đĩa DVD đã qua sử dụng (ký hiệu A) không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng:

- 01 đĩa DVD nhãn hiệu Maxell dung lượng 4,7GB bên trong có chứa nội dung vụ án được trích xuất từ camera chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- 05 cuộn dây cáp điện loại Cadivi CXV-1x240 lõi đồng, bọc vỏ cao su, màu đen, mỗi đoạn dài 8,5m; 02 cuộn dây cáp điện loại Cadivi CXV-1x185 lõi đồng, bọc vỏ cao su, màu đen, mỗi đoạn dài 8,5m. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định

Công ty TNHH Công nghiệp Tân Phong An là chủ sở hữu hợp pháp đã trả lại cho Công ty TNHH Công nghiệp Tân Phong An.

- Đối với 02 xe mô tô biển kiểm soát: 15G1-977.04 và 15G1-204.72. Quá trình điều tra xác định chị Trần Thị Tươi, sinh năm 1988, trú tại tổ Hà Luận 2, phường Hòa Bình, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu của xe mô tô biển kiểm soát: 15G1-977.04. Anh Nguyễn Phú Thành, sinh năm 1995, trú tại xã Bạch Đằng, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát: 15G1-204.72. Chị Tươi và anh Thành cho D, S mượn xe đi nhưng không biết Nguyễn Thành D, Trần Văn S sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Tươi, anh Thành là đúng quy định của pháp luật.

Vấn đề dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKSTN ngày 18 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên nay là thành phố Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Thành D, Trần Văn S, Nguyễn Quốc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Lê Văn D** từ 18 đến 24 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điều 17, 58, 38, 55, 56 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Nguyễn Thành D** 15 đến 18 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 21 tháng tù của Bản án số 162/2024/HS-ST ngày 24/07/2024, Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 36 đến 39 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Trần Văn S** từ 09 đến 12 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Nguyễn Quốc V** từ 09 đến 12 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Quốc V: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, do bị cáo chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, chưa nhận thức hết được hậu quả của hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và áp dụng triệt để chính sách của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Quốc V đồng ý với ý kiến của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 08/8/2024, tại khu công nghiệp Vsip, phường An Lư, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Lê Văn D, Nguyễn Thành D, Trần Văn S, Nguyễn Quốc V đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt 07 cuộn dây cáp điện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp Tân Phong An với tổng giá trị tài sản là 6.655.500 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Lê Văn D có hành vi rủ Nguyễn Quốc V và Trần Văn S (là người dưới 18 tuổi) thực hiện hành vi phạm tội nên Lê Văn D bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn D, Trần Văn S, Nguyễn Quốc V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội gây thiệt hại không lớn” “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm h,i,s Điều 51 Bộ luật Hình sự. Lê Văn D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội đầu thú" quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thành D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "phạm tội gây thiệt hại không

lớn", "người phạm tội thành khẩn khai báo", "ông ngoại là người có công với cách mạng" quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về phân hóa vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, lượng hình đối với từng bị cáo. Lê Văn D là người khởi xướng, rủ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và là người thực hành tích cực trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Văn S, Nguyễn Quốc V khi được Lê Văn D rủ tham gia đã tiếp nhận ý chí và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Thành D thực hiện hành vi tích cực, cùng với Lê Văn D trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo S và V.

[5] Về hình phạt: Trong vụ án này các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Thành D, Trần Văn S không xác định là có tiền án, tiền sự nhưng các bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo Lê Văn D đã 02 lần bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính, bị cáo Nguyễn Thành D đã bị Tòa án xử phạt về tội gây rối trật tự công cộng ngày 24-7-2024, ngày 29-11-2024 bị Công an huyện Thuỷ Nguyên khởi tố về tội gây rối trật tự công cộng. Ngày 29-11-2024, bị cáo Trần Văn S bị Công an huyện Thuỷ Nguyên khởi tố về tội gây rối trật tự công cộng. Với những phân tích nêu trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Thành D, Trần Văn S mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 162/2024/HS-ST ngày 24/07/2024 của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 21 tháng tù đối với Nguyễn Thành D về tội gây rối trật tự công cộng. Bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự (nhân thân tốt), bị cáo là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người chưa thành niên phạm tội.

[6] Khi thực hiện hành vi phạm tội Trần Văn S, Nguyễn Quốc V dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đối với các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Quốc V. Theo quy định tại Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên thì *"nếu là hình phạt tù có thời hạn mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/5 mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định"*. Khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định *"Các điều khoản của Luật này quy định về hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn ... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội quy định tại chương VI của Luật này được áp dụng kể từ ngày Luật này được công bố"* (công bố ngày 02-12-2024).

[7] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[8] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Lê Văn D** 15 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38, 55, 56 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Nguyễn Thành D** 12 tháng tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 21 tháng tù của Bản án số 162/2024/HS-ST ngày 24/07/2024 của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 33 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự, Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Trần Văn S** 06 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02-11-2024.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điều 17, 58, 65, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự, Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt **Nguyễn Quốc V** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thủy Đường, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp

không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: **Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Quốc V** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (thành phố, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3

năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an thành phố Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)